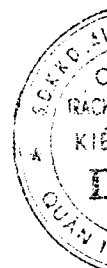


CÔNG TY
CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008



CÔNG TY KIỂM TOÁN DTL
Thành viên của Horwath International

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2007	5 - 8
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2007	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2007	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2007	12 - 32

000554

NG

KINH

ATC

T

PHỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo:

- Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 05 năm 2004 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bến Tre về việc chuyển Công ty Dược và Vật tư Bến Tre thành Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 55-03-000017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 07 năm 2004 và điều chỉnh lần thứ 3 vào ngày 31 tháng 01 năm 2008.

Trụ sở hoạt động

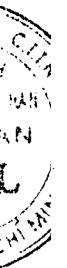
- Địa chỉ: số 6A3 Quốc lộ 60, P. Phú Khương, Thị xã Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Điện thoại: 075 382 95 28
- Fax: 075 382 74 67

Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

- Sản xuất, kinh doanh thuốc trị bệnh cho người;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng: thuốc thành phẩm, bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học. Kinh doanh thuốc trị bệnh cho người. Kinh doanh thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng);
- Kinh doanh các loại máy móc, trang thiết bị y tế;
- Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai, thùng;
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi.

Các đơn vị phụ thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÈN TRE

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty con:

- Công ty Liên doanh Meyer - BPC.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Đinh Văn Bích	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Nên	Thành viên
Ông Nhan Thế Hùng	Thành viên
Ông Lê Phước Lễ	Thành viên

Ban Giám Đốc

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Việt Sơn	Giám đốc
Ông Dương Thành Đông	Phó Giám đốc
Ông Lê Phước Lễ	Phó Giám Đốc
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Giám Đốc

Ban Kiểm soát

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Trần Hoàng Sơn	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Hải Đường	Thành viên
Ông Nguyễn Thiện Nhân	Thành viên

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong năm 2008 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

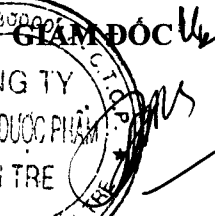

5. Kiểm toán viên

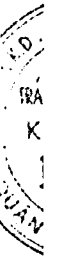
Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2008 cho Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Bến Tre, ngày 10 tháng 02 năm 2009



NGUYỄN VIỆT SƠN



Số: 09.140/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre (dưới đây gọi tắt là Công ty). Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2009

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN


LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		188,450,763,152	153,529,144,476
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	8,543,801,983	4,297,125,437
1. Tiền	111		8,543,801,983	4,297,125,437
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	904,450,000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1,936,923,773	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1,032,473,773)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.3)	51,025,459,983	65,602,846,666
1. Phải thu khách hàng	131		49,138,479,472	43,399,531,950
2. Trả trước cho người bán	132		1,139,437,749	21,244,669,855
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		747,542,762	958,644,861
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	(5.4)	118,264,856,055	80,282,084,940
1. Hàng tồn kho	141		118,570,674,800	82,712,410,905
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(305,818,745)	(2,430,325,965)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9,712,195,131	3,347,087,433
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13,205,132	37,081,133
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	(5.5)	2,521,285,217	599,350,146
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.6)	7,177,704,782	2,710,656,154

37
 TY
 ĐU
 ĐÁ
 I
 30

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40,693,647,579	41,603,111,277
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		35,316,312,478	36,023,731,405
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.7)	32,329,060,425	32,905,658,179
- Nguyên giá	222		47,333,512,569	43,919,412,694
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15,004,452,144)	(11,013,754,515)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.8)	2,435,878,562	2,483,912,711
- Nguyên giá	228		2,548,829,559	2,548,829,559
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(112,950,997)	(64,916,848)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.10)	551,373,491	634,160,515
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240	(5.9)	53,285,412	65,350,032
- Nguyên giá	241		125,214,090	125,214,090
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(71,928,678)	(59,864,058)
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	(5.11)	266,910,000	286,910,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		266,910,000	286,910,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		5,057,139,689	5,227,119,840
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.12)	5,022,143,761	5,208,044,855
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	(5.13)	34,995,928	19,074,985
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		229,144,410,731	195,132,255,753

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ NGẮN HẠN	300		152,168,209,373	121,553,422,514
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		147,843,410,674	111,722,112,157
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.14)	91,704,948,045	82,710,428,890
2. Phải trả người bán	312	(5.15)	46,302,744,856	21,328,862,221
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.15)	888,813,500	3,466,916,396
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.16)	1,815,420,818	474,932,335
5. Phải trả người lao động	315		2,619,418,144	2,860,269,472
6. Chi phí phải trả	316		628,650,097	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.17)	3,883,415,214	880,702,843
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		4,324,798,699	9,831,310,357
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.18)	-	3,278,519,948
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.18)	4,090,458,608	6,403,389,307
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		234,340,091	149,401,102
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(5.19)	67,590,934,647	67,684,958,928
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410		67,532,744,567	67,531,058,461
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30,000,000,000	30,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		26,493,488,000	26,493,488,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,284,499,200	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		782,000,000	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		731,000,000	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7,241,757,367	11,037,570,461
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430		58,190,080	153,900,467
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		8,190,080	103,900,467
2. Nguồn kinh phí	432		50,000,000	50,000,000
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		9,385,266,712	5,893,874,311
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		229,144,410,731	195,132,255,753

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

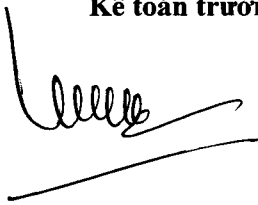
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		64,300.84	3,828.19
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

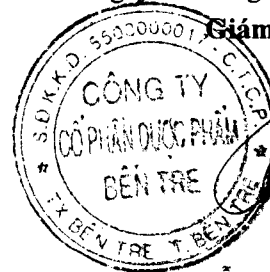
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN CHÍ CƯỜNG

Ngày 21 tháng 03 năm 2009

Giám đốc



NGUYỄN VIỆT SƠN

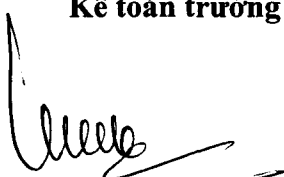
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		348,777,400,169	307,799,545,431
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		2,501,449,044	1,646,146,717
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	346,275,951,125	306,153,398,714
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	270,982,767,070	249,668,104,274
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		75,293,184,055	56,485,294,440
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	11,296,457,235	795,540,927
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	24,264,032,982	11,648,080,989
Trong đó, chi phí lãi vay	23		14,355,847,167	11,475,219,031
8. Chi phí bán hàng	24		45,511,654,411	34,007,168,826
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9,958,508,073	9,489,076,918
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,855,445,824	2,136,508,634
11. Thu nhập khác	31		28,662,350,675	12,681,486,496
12. Chi phí khác	32		23,278,171,456	3,913,991,541
13. Lợi nhuận khác	40		5,384,179,219	8,767,494,955
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		12,239,625,043	10,904,003,589
16.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		(1,413,009,763)	(1,467,558,245)
16.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		15,920,943	13,100,009
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		10,842,536,224	9,449,545,353
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số			477,356,859	181,479,781
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			10,365,179,364	9,268,065,572
			3,455	4,449

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN CHÍ CƯỜNG

Ngày 21 tháng 03 năm 2009



NGUYỄN VIỆT SƠN

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12,239,625,043	10,904,003,589
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		4,035,593,429	3,461,555,252
Các khoản dự phòng	03		(1,092,033,447)	2,453,026,365
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(801,256,899)	10,361,523
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		312,125,535	(166,054,675)
Chi phí lãi vay	06		14,355,847,167	11,475,219,031
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29,049,900,828	28,138,111,085
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2,175,447,886)	(1,635,643,334)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(35,682,664,295)	(20,320,030,670)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		33,469,480,976	(41,899,260,157)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		209,777,095	603,344,680
Tiền lãi vay đã trả	13		(14,252,116,765)	(10,192,631,408)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,268,798,222)	(1,285,664,653)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3,259,556,291	2,699,767,589
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(6,964,687,759)	(4,564,061,735)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5,645,000,263	(48,456,068,603)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3,338,112,851)	(3,266,161,295)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	11,090,909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2,881,038,233)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		768,514,860	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4,779,750,000)	(12,210,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		20,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		256,100,911	154,963,766
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9,954,285,313)	(3,112,316,620)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

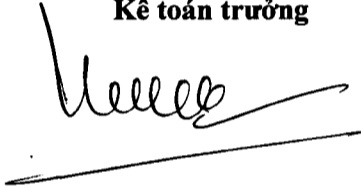
Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		7,959,313,705	36,963,258,720
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(469,770,720)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		247,036,413,711	328,610,769,099
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(240,695,165,406)	(309,965,626,179)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5,740,390,150)	(3,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8,560,171,860	52,138,630,920
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		4,250,886,810	570,245,697
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4,297,125,437	3,726,879,740
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4,210,264)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		8,543,801,983	4,297,125,437

Ngày 21 tháng 03 năm 2009

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN CHÍ CƯỜNG



NGUYỄN VIỆT SON

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo:

- Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 05 năm 2004 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bến Tre về việc chuyển Công ty Dược và Vật tư Bến Tre thành Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 55-03-000017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 07 năm 2004 và điều chỉnh lần thứ 3 vào ngày 31 tháng 01 năm 2008.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 VND.

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại:

- Địa chỉ: số 6A3 Quốc lộ 60, P. Phú Khương, Thị xã Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Điện thoại: 075 382 95 28
- Fax: 075 382 74 67

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh thuốc trị bệnh cho người;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng: thuốc thành phẩm, bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học. Kinh doanh thuốc trị bệnh cho người. Kinh doanh thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng);
- Kinh doanh các loại máy móc, trang thiết bị y tế;
- Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai, thùng;
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi.

1.3. Danh sách các đơn vị đã được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất

Các đơn vị phụ thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa.

Công ty con

- Công ty Liên doanh Meyer - BPC;
- Địa chỉ: số 6A3 Quốc lộ 60, Phường Phú Khương, Thị xã Bến Tre, Tỉnh Bến Tre;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 60%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 60%.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2008: 16.977 VND/USD

23.570 VND/EUR

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực

102
CÓ
H
ÉT
D
11

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÊN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

555
G 1
99
TC
T.
55

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÈN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 05 năm
+ Dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
+ Quyền sử dụng đất	45 – 48 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 1% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Thuế

- Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Theo công văn số 592/CT/TH-DT ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Tổng cục thuế - Cục thuế Tỉnh Bến Tre, Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được hưởng các ưu đãi thuế do chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần cụ thể là được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tiếp theo. Thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tính từ năm 2005 cho đến hết thời gian miễn giảm.

- Theo Giấy phép đầu tư số 2215/GP ngày 20/08/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty Liên doanh Meyer - BPC được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% trong bốn năm tiếp theo. Thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tính từ năm 2005 cho đến hết thời gian miễn giảm.

- Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ báo cáo tài chính của:

- Các đơn vị phụ thuộc Công ty: Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ và Khánh Hòa;
- Công ty con: Công ty Liên doanh Meyer – BPC .

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÈN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

theo các nguyên tắc sau:

- Loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con .
- Điều chỉnh lợi ích của cổ đông thiểu số;
- Điều chỉnh ảnh hưởng của các giao dịch bán hàng nội bộ;
- Điều chỉnh ảnh hưởng của các giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ.
- Điều chỉnh ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ khác: vay mượn ...

4.12. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của niên độ này.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	292.061.546	318.495.782
Tiền gửi ngân hàng	8.251.740.437	3.978.629.655
Tổng cộng	8.543.801.983	4.297.125.437

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	1.936.923.773	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.032.473.773)	-
Tổng cộng	904.450.000	-

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	49.138.479.472	43.399.531.950
Trả trước cho người bán	1.139.437.749	21.244.669.855
Các khoản phải thu khác (5.3.1)	747.542.762	958.644.861
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	51.025.459.983	65.602.846.666

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(5.3.1) Bao gồm:

	31/12/2008
Phải thu nhân viên Hiệu thuốc Đông Dược về việc phạt làm mất hóa đơn	6.100.000
Thuế GTGT chưa được kê khai khấu trừ	80.671.010
Phải thu khác nhân viên Chi nhánh Hà Nội	30.000.000
Thuế thu nhập cá nhân còn phải thu của Công nhân viên	567.337.232
Ứng trước chi phí nhận hàng của HĐ03/HT-08 cho công ty TNHH XD TM và DV Hồ Tư.	10.000.000
Chi hộ làm bao bì cho Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre theo Biên bản thỏa thuận số 165/BTT-LD ngày 10/11/2008	52.383.398
Phải thu khác (BHXH, BHYT và Phí đăng ký giao dịch tài sản với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển)	1.051.122
Tổng cộng	<u>747.542.762</u>

5.4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng đang đi đường	4.091.189.875	393.921.151
Nguyên liệu, vật liệu	8.068.933.672	7.799.850.935
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.667.637.138	2.101.374.204
Thành phẩm	3.798.553.168	2.173.027.355
Hàng hóa	98.944.360.947	70.244.237.260
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>118.570.674.800</u>	<u>82.712.410.905</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(305.818.745)	(2.430.325.965)
Giá trị thuần có thể thực hiện	<u>118.264.856.055</u>	<u>80.282.084.940</u>

5.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

		Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT còn được khấu trừ	(5.5.1)	2.521.285.217	599.350.146
Tổng cộng		<u>2.521.285.217</u>	<u>599.350.146</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÊN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tài sản ngắn hạn khác

		Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng		3.457.319.670	1.500.971.194
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(5.6.1)	3.720.385.112	1.209.684.960
Tổng cộng		7.177.704.782	2.710.656.154

(5.6.1) Bao gồm:

	USD	VND
Ký quỹ đền bù giải phóng mặt bằng – Văn phòng Công ty		230.000.000
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu – Văn phòng Công ty		37.575.509
Ký quỹ mở L/C – Chi nhánh Thành Phố	25.356	Tương đương 430.468.812
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu – Chi nhánh Thành Phố		1.831.671.000
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu – Chi nhánh Hà Nội		462.465.000
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu – Chi nhánh Đà Nẵng		314.947.338
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu – Chi nhánh Cần Thơ		370.857.453
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu – Chi nhánh Khánh Hòa		42.400.000
Tổng cộng		3.720.385.112

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	23.462.177.005	16.343.759.739	2.567.975.396	1.545.500.554	43.919.412.694
Tăng trong năm					
Mua sắm mới	930.817.283	78.112.325	1.425.202.700	581.974.972	3.016.107.280
Đầu tư XD CB hoàn thành	397.992.595	-	-	-	397.992.595
Giảm trong năm					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	24.790.986.883	16.421.872.064	3.993.178.096	2.127.475.526	47.333.512.569

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÊN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	3322.792.109	5.697.510.697	1.061.034.084	932.417.625	11.013.754.515
Tăng trong năm					
Khấu hao trong năm	1.254.901.981	2.082.838.404	361.587.861	291.369.383	3.990.697.629
Giảm trong năm					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>4577.694.090</u>	<u>7.780.349.101</u>	<u>1.422.621.945</u>	<u>1.223.787.008</u>	<u>15.004.452.144</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	20.139.384.896	10.646.249.042	1.506.941.312	613.082.929	32.905.658.179
Tại ngày cuối năm	<u>20.213.292.793</u>	<u>8.641.522.963</u>	<u>2.570.556.151</u>	<u>903.688.518</u>	<u>32.329.060.425</u>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.817.784.395 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định đã dùng thế chấp để đảm bảo cho hợp đồng vay số 08.10.009/HĐTD ngày 10/04/2008, hợp đồng vay số 03.03.0009/HĐTD ngày 27/8/2004 và hợp đồng vay số 06.03.0010/HĐTD ngày 04/04/2006 là 40.213.590.407 đồng. Cụ thể như sau:

+ Toàn bộ máy móc thiết bị đang dùng để sản xuất kinh doanh được liệt kê chi tiết tài sản cố định của Công ty đến 31/12/2007 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 08.0053HĐTC/00 ngày 16/04/2008 trị giá 556.724.979 đồng .

+ Phương tiện vận tải theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 08.0052HĐTC/00 ngày 16/04/2008 trị giá 2.300.046.396 đồng .

+ Văn phòng, nhà xưởng, nhà bảo vệ, nhà kho tại TP. Hồ Chí Minh, QL60, huyện Bình Đại, Huyện Thạnh Phú, Huyện Mỏ Cày và huyện Giồng Trôm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 08.0053HĐTC/00 ngày 16/04/2008 trị giá, hợp đồng thế chấp số 08/04.03.0564/HĐTC/BS ngày 30/03/2007 và hợp đồng thế chấp tài sản số 06.03.0110 ngày 04 tháng 04 năm 2006 trị giá 14.036.090.365 đồng;

+ Toàn bộ tài sản của Công ty Liên doanh Meyer – BPC theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2008/HĐ ngày 01/02/2008 trị giá 23.320.728.667 đồng.

(Xem tiếp trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	2.548.829.559	2.548.829.559
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	2.548.829.559	2.548.829.559
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	64.916.848	64.916.848
Khấu hao trong năm	48.034.149	48.034.149
Số dư cuối năm	112.950.997	112.950.997
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	2.483.912.711	2.483.912.711
Tại ngày cuối năm	2.435.878.562	2.435.878.562

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã đem thế chấp để đảm bảo cho hợp đồng vay số 08.10.009/HĐTD ngày 10/04/2008 là 243.247.500 đồng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 08.0053HĐTC/00 ngày 16/04/2008. Cụ thể như sau:

+ Toàn bộ 220,7 m² đất tại vị trí thửa 77 QL60, Phường Phú Khương, Thị xã Bến Tre, Tỉnh Bến Tre;

+ Toàn bộ 115,9 m² đất tại vị trí thửa 81 QL60, Phường Phú Khương, Thị xã Bến Tre, Tỉnh Bến Tre;

+ Toàn bộ 18,5 m² đất tại vị trí thửa 80 QL60, Phường Phú Khương, Thị xã Bến Tre, Tỉnh Bến Tre;

Toàn bộ quyền sử dụng đất của Công ty Liên doanh Meyer – BPC theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2008/HĐ ngày 01/02/2008 trị giá 698.146.959 đồng.

(Xem tiếp trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	125.214.090	125.214.090
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	125.214.090	125.214.090
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	59.864.058	59.864.058
Khấu hao trong năm	12.064.620	12.064.620
Số dư cuối năm	71.928.678	71.928.678
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	65.350.032	65.350.032
Tại ngày cuối năm	53.285.412	53.285.412

(*) Chi tiết như sau:

Căn nhà số 19 đường Đồng Khởi, Phường 2, Thị xã Bến Tre cho Nguyễn Văn Thời thuê theo hợp đồng cho thuê nhà số 78/HĐ-CTCP ngày 20 tháng 09 năm 2004

31/12/2008

52.826.363

Căn nhà bảo vệ số 6A3 Quốc lộ 60 Phường Phú Khương, Thị xã Bến Tre cho Chi nhánh Ngân hàng Công Thương tỉnh Bến Tre thuê theo hợp đồng thuê mặt bằng ký ngày 17 tháng 01 năm 2007

72.387.727

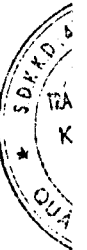
Cộng

125.214.090

5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí XD CB dở dang (*)	551.373.491	634.160.515

(*) Là chi phí sửa chữa nhà làm việc Chi nhánh Công ty CP Dược Phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng. Công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng vào ngày 12 tháng 01 năm 2009 theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán số 01/2009/KT-TVKĐ của Trung tâm Tư vấn & Kiểm định xây dựng – Sở Xây dựng Bến Tre.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	(5.11.1)	266.910.000	286.910.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn		266.910.000	286.910.000

(5.11.1) Số dư các khoản đầu tư dài hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm :

	31/12/2008
Cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Nam	130.000.000
Cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	66.710.000
Trái phiếu chính phủ	70.200.000
Tổng cộng	266.910.000

5.12. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	5.208.044.855	5.824.541.223
Tăng trong năm	365.640.250	-
Đã kết chuyển vào chi phí trong năm	(551.541.344)	(616.496.368)
Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	(*) 5.022.143.761	5.208.044.855

(*) Bao gồm:

	31/12/2008
Chi phí thuê đất diện tích 4108m ² tại lô số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân. Thời hạn thuê đất đến ngày 17 tháng 06 năm 2047	3.753.613.559
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng Chi nhánh Công ty CP Dược Phẩm Bến Tre tại Thành phố Hồ Chí Minh	345.640.250
Chi phí thuê nhà Chi nhánh Công ty CP Dược Phẩm Bến Tre tại Cần Thơ từ 01/01/2009 đến ngày 30/05/2009	20.000.000
Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	902.889.952
Tổng cộng	5.022.143.761

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	34.995.928	19.074.985
Tổng cộng	34.995.928	19.074.985

5.14. Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả

		Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn NH Công thương Bến Tre	(5.14.1)	56.691.304.339	52.741.746.156
Vay cá nhân – Công ty CP Dược phẩm Bến Tre	(5.14.2)	13.463.141.853	12.451.641.853
Vay ngắn hạn NH Đầu tư và Phát triển Bến Tre	(5.14.3)	14.645.549.451	11.455.101.772
Vay cá nhân – Công ty Liên doanh Meyer - BPC	(5.14.4)	5.621.720.388	4.501.939.109
Nợ dài hạn đến hạn trả	(5.14.5)	1.283.232.014	1.560.000.000
Tổng cộng		91.704.948.045	82.710.428.890

(5.14.1) Theo Hợp đồng tín dụng cho vay theo phương thức hạn mức tín dụng số 08.10.009/HĐTD ký ngày 10 tháng 04 năm 2008 với chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	:	59.000.000.000 VND
Thời hạn vay	:	từ 10/04/2008 đến 31/03/2009
Lãi suất cho vay trong hạn	:	15,6%/năm. Lãi suất này có thể thay đổi trong thời hạn duy trì hạn mức cho vay tùy thuộc vào quy định của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Công Thương Việt Nam trong từng thời kỳ
Lãi suất nợ quá hạn	:	50% lãi suất cho vay trong hạn
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động để SXKD dược phẩm
Tài sản thế chấp	:	Tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và giá trị phần vốn góp trong Công ty Liên doanh Meyer – BPC đã dùng để cầm cố, thế chấp theo hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số 08.0052/HĐCC/00 và hợp đồng thế chấp, cầm cố số 08.0053/HĐCC/00 ngày 16/04/2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÈN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(5.14.2) Đến ngày 31/12/2008, Công ty đã vay của cán bộ công nhân viên trong Công ty số tiền là 13.463.141.853 đồng. Thời hạn vay là một năm kể từ khi nhận khoản tiền vay với mức lãi suất cho vay là 1% / tháng.

(5.14.3) Theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2008/HĐ ký ngày 01 tháng 02 năm 2008 với chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	:	16.000.000.000 VND
Thời hạn vay	:	Đến hết ngày 31/03/2009
Lãi suất cho vay trong hạn	:	Theo chế độ lãi suất của Ngân hàng từng thời kỳ
Lãi suất nợ quá hạn	:	150% lãi suất trong hạn
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động
Tài sản thế chấp	:	Toàn bộ tài sản của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất, quyền thuê đất và tài sản, công trình xây dựng trên đất, văn phòng, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển ...Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VNĐ và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Toàn bộ vật tư, hàng hóa tồn kho đang luân chuyển phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa công ty và các đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

(5.14.4) Đến ngày 31/12/2008, Công ty đã vay của cán bộ công nhân viên trong Công ty số tiền là 5.621.720.388 đồng. Thời hạn vay là một năm kể từ khi nhận khoản tiền vay với mức lãi suất cho vay là 1% / tháng.

(5.14.5) Chi tiết như sau:

	31/12/2008
Hợp đồng vay trung, dài hạn số 01/2004/HĐ ngày 18/08/2004 và phụ lục 01/2006/PL (đi kèm Hợp đồng).	1.099.000.000
Hợp đồng vay số 01/HĐV – LD ngày 15/03/2007 – Nguyễn Thúy Duyên	168.432.012
Hợp đồng vay số 02/HĐV – LD ngày 15/03/2007 – Đặng Thị Ngọc Lâm	15.800.002
Tổng cộng	1.283.232.014

5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	46.302.744.856	21.328.862.221
Người mua trả tiền trước	888.813.500	3.466.916.396
Tổng cộng	47.191.558.356	24.795.778.617

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT	424.587.454	238.782.045
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	525.366.597	14.500.800
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.475.261
Thuế thu nhập doanh nghiệp	362.385.770	218.174.229
Thuế thu nhập cá nhân	503.080.997	-
Tổng cộng	1.815.420.818	474.932.335

5.17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	357.010.476	265.812.492
Bảo hiểm xã hội	41.502.058	58.678.969
Phải trả tiền bán tài sản giữ hộ nhà nước	4.000.000	4.025.714
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	3.480.902.680	552.185.668
Tổng cộng	3.883.415.214	880.702.843

(*) Bao gồm:

	31/12/2008
Phải trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng	233.000.000
Nhận tiền thế chân bình nước tinh khiết	87.820.298
Cổ tức phải trả	3.139.359.850
Tra cứu nhãn hiệu hàng hóa	17.132.571
Phải trả, phải nộp khác	3.589.961
Tổng cộng	3.480.902.680

(Xem tiếp trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18. Các khoản vay và nợ dài hạn

		Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng Công Thương Bến Tre	(*)	3.512.474.058	4.348.724.058
Vay Sở y tế tỉnh Bến Tre		43.325.176	43.325.176
Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bến Tre		-	1.099.000.000
Hợp đồng huy động vốn mua thiết bị số 01/HĐV – LD và 02/HĐV – LD ngày 15/03/2007		-	912.340.073
Hợp đồng vay số 01/HĐV – LD ngày 15/03/2007 – Nguyễn Thúy Duyên		305.559.374	-
Hợp đồng vay số 02/HĐV – LD ngày 15/03/2007 – Đặng Thị Ngọc Lâm		229.100.000	-
Nợ dài hạn khác		-	3.278.519.948
Tổng cộng		4.090.458.608	9.681.909.255

(*) Bao gồm:

31/12/2008

Vay dài hạn ngân hàng Công thương Bến Tre			
+ Hợp đồng 03.03.0009/HĐTD ngày 27/8/2004	(a)	2.249.974.058	
+ Hợp đồng 06.03.0010/HĐTD ngày 04/04/2006	(b)	700.000.000	
+ Hợp đồng 06.03.0017/HĐTD ngày 27/04/2006	(c)	562.500.000	
Tổng cộng		3.512.474.058	

(a) Chi tiết Hợp đồng vay số 03.03.0009/HĐTD ký ngày 27 tháng 08 năm 2004

Số tiền vay	:	4.400.000.000 VND
Thời hạn vay	:	113 tháng kể từ ngày nhận nợ lần đầu
Lãi suất cho vay	:	Theo lãi suất thả nổi
Lãi suất nợ quá hạn	:	150% lãi suất cho vay trong hạn
Mục đích vay	:	Thuê đất khu công nghiệp Tân Tạo, xây dựng nhà chứa thuốc đạt tiêu chuẩn GSP
Tài sản thế chấp	:	Nhà làm việc và kho tại Khu công nghiệp Tân Tạo có nguyên giá 7.044.045.867 VNĐ theo biên bản định giá số 624A/04 ngày 27 tháng 8 năm 2004 và hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số 04030564/HĐTCCC ngày 27 tháng 8 năm 2004.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(b) Chi tiết Hợp đồng vay số 06.03.0010/HĐTD ký ngày 04 tháng 04 năm 2006

Số tiền vay : 1.100.000.000 VND
 Thời hạn vay : 84 tháng kể từ ngày nhận nợ lần đầu
 Lãi suất cho vay : Theo lãi suất thả nổi
 Lãi suất nợ quá hạn : 150% lãi suất cho vay trong hạn
 Mục đích vay : Xây dựng kho bảo quản dược phẩm tại Bến Tre
 Tài sản thế chấp : Nhà kho bảo quản dược phẩm tại Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre có nguyên giá là 2.933.583.126 VNĐ theo biên bản định giá số 114A-2006 ngày 04 tháng 04 năm 2006 và hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản hình thành từ vốn vay số 06.03.0110 ngày 04 tháng 04 năm 2006.

(c) Chi tiết Hợp đồng vay số 06.03.0017/HĐTD ký ngày 27 tháng 04 năm 2006

Số tiền vay : 875.000.000 VND
 Thời hạn vay : 84 tháng kể từ ngày nhận nợ lần đầu
 Lãi suất cho vay : 1,15% / tháng
 Lãi suất nợ quá hạn : 1,725% / tháng
 Mục đích vay : Xây dựng kho bảo quản dược phẩm tại Khu công nghiệp Tân Tạo
 Tài sản thế chấp : Chợ vay không đảm bảo bằng tài sản.

5.19. Vốn chủ sở hữu

5.19.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ khen thưởng, phúc lợi và nguồn kinh phí	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	17.549.317.646	-	2.450.682.354	50.000.000	4.959.443.882	25.009.443.882
Tăng vốn năm trước	12.450.682.354	26.493.488.000	-	-	-	38.944.170.354
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	9.268.065.572	9.268.065.572
Tăng khác năm trước	-	-	-	137.700.467	5.160.000	142.860.467
Giảm vốn năm trước	-	-	(2.450.682.354)	(33.800.000)	-	(2.484.482.354)
Giảm khác năm trước	-	-	-	-	(3.112.478.713)	(3.112.478.713)
Giảm khác do hợp nhất quyền lợi từ Công ty con	-	-	-	-	(82.620.280)	(82.620.280)
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	26.493.488.000	-	153.900.467	11.037.570.461	67.684.958.928

(17) D M M C C
 102

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÊN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tăng vốn năm nay	-	-	3.849.499.200	1.209.102.079	-	5.058.601.279
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	-	-	-	-	10.365.179.364	10.365.179.364
Tăng khác năm nay	-	-	-	34.715.000	-	34.715.000
Tăng khác do hợp nhất quyền lợi từ Công ty con	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	(4.912.020.984)	(4.912.020.984)
Giảm khác năm nay	-	-	(52.000.000)	(1.339.527.466)	(9.000.679.229)	(10.392.206.695)
Giảm khác do hợp nhất quyền lợi từ Công ty con	-	-	-	-	(248.292.245)	(248.292.245)
Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	26.493.488.000	3.797.499.200	58.190.080	7.241.757.367	67.590.934.647

5.19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Năm 2008
Cổ phần Nhà Nước	34,00 %	10.200.000.000
Cổ phần công nhân viên Công ty	28,25%	8.475.890.000
Cổ phần bán cho các đối tượng ngoài doanh nghiệp	37,75%	11.324.110.000
Tổng cộng	100,00 %	30.000.000.000

5.19.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng / cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÊN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.19.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.365.179.364	9.268.065.572
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.365.179.364	9.268.065.572
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.000.000	2.083.333
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.455	4.449

5.19.5 Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm nay
Tại thời điểm đầu năm	11.037.570.461
Lợi nhuận sau thuế trong năm	10.365.179.364
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi; quỹ đầu tư phát triển; quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(4.912.020.984)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2007 và năm 2008	(8.850.000.000)
Chi khác (lương thanh tra, thù lao hội đồng quản trị...)	(398.971.474)
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày 31/12/2008	7.241.757.367

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	348.777.400.169	307.799.545.431
Hàng bán bị trả lại	(2.501.449.044)	(1.646.146.717)
Doanh thu thuần	346.275.951.125	306.153.398.714

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	270.676.948.325	247.237.778.309
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	305.818.745	2.430.325.965
Tổng cộng	270.982.767.070	249.668.104.274

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÊN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	124.705.156	130.010.666
Cổ tức, lợi nhuận được chia	127.955.755	24.953.100
Lãi kinh doanh chứng khoán	47.715.140	-
Lãi trái phiếu	3.440.000	-
Lãi khác từ hoạt động tài chính	3.377.250.350	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.398.996.288	443.301.043
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	896.180.840	-
Chiết khấu thanh toán được hưởng	316.659.797	197.197.702
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.553.909	78.416
Tổng cộng	11.296.457.235	795.540.927

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay, lãi nợ quá hạn, lãi mượn vốn Nhà nước	14.355.847.167	11.475.219.031
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	1.032.473.773	-
Lỗ kinh doanh chứng khoán	177.928.070	-
Chiết khấu thanh toán	167.144.102	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.514.427.848	172.861.958
Chi phí hoạt động tài chính khác	16.212.022	-
Tổng cộng	24.264.032.982	11.648.080.989

(Xem tiếp trang 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

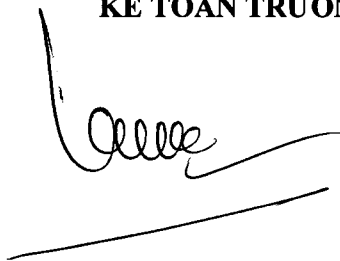
7. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc niên độ đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 được Giám đốc phê duyệt và phát hành vào ngày 28 tháng 01 năm 2009.

Ngày 28 tháng 01 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN CHÍ CƯỜNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VIỆT SƠN